

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020

Thực hiện Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020; Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030”, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018 – 2020” trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Triển khai đồng bộ các giải pháp, huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” (Đề án OCOP), giai đoạn 2018-2020 đảm bảo đúng tiến độ thời gian và hiệu quả theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân.

2. Yêu cầu: Các sở, ngành, đơn vị, địa phương bám sát quan điểm, mục tiêu của Chương trình OCOP, Đề án OCOP và thực tế tại địa phương, xác định rõ nội dung, nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện. Chủ động, quyết tâm và phối hợp thường xuyên, thống nhất giữa các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Phấn đấu tiêu chuẩn hóa ít nhất 60 sản phẩm thế mạnh hiện có của các địa phương (10 sản phẩm năm 2018, 30 sản phẩm năm 2019, 20 sản phẩm 2020). Triển khai xây dựng và phát triển các làng (bản) du lịch cộng đồng. Tập trung vào đa dạng hóa, chế biến sâu các sản phẩm theo chuỗi giá trị, hoàn thiện tổ chức sản xuất theo hướng liên kết giữa hộ sản xuất với tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp.

2. Củng cố ít nhất 30 tổ chức kinh tế sản xuất, kinh doanh sản phẩm thế mạnh hiện có của các địa phương (Công ty cổ phần, Công ty TNHH, HTX, THT,...) và phát triển mới ít nhất 15 tổ chức kinh tế tham gia chương trình OCOP (ưu tiên HTX, công ty cổ phần).

3. Đào tạo, tập huấn 100% cán bộ cấp tỉnh, huyện (*thành viên BCD, thành viên của các hội đồng, tổ giúp việc OCOP các cấp*); Đào tạo, tập huấn kiến thức

chuyên môn quản lý sản xuất, kinh doanh cho 100% lãnh đạo doanh nghiệp, HTX, THT, chủ hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia Chương trình.

4. Xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh, làm cơ sở để các địa phương trong tỉnh định hướng quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm một cách thống nhất, đồng bộ.

5. Xây dựng, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu Chương trình OCOP (về tổ chức kinh tế, sản phẩm OCOP của tỉnh) nhằm hỗ trợ tích cực công tác quản lý Nhà nước và kết nối thông tin, xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP của tỉnh.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Triển khai thực hiện Chu trình OCOP

1.1. Chu trình OCOP được triển khai thực hiện thường niên theo 06 bước (theo Văn bản hướng dẫn số 2100/SNN-PTNT ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai) đảm bảo nguyên tắc: Nhà nước hỗ trợ, hướng dẫn - Cơ sở sản xuất đề xuất trực tiếp theo nhu cầu và khả năng thực tế.

1.2. Ban hành Bộ tài liệu OCOP để các địa phương triển khai thực hiện Chu trình OCOP rộng rãi, khách quan. Tập trung chuyên sâu cho công tác hướng dẫn, tập huấn, tư vấn tại chỗ, kết nối nguồn lực cho việc phát triển ý tưởng sản phẩm, triển khai các dự án sản xuất, kinh doanh.

1.3. Tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp huyện, cấp tỉnh và đăng ký sản phẩm thi cấp Quốc gia; công bố kết quả xếp hạng sản phẩm OCOP của tỉnh vào dịp Hội chợ, triển lãm OCOP cấp tỉnh.

2. Tập trung chuẩn hóa và phát triển sản phẩm OCOP

2.1. Rà soát, đánh giá tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm hiện có, định hướng các tổ chức kinh tế nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chí OCOP. Tiêu chuẩn hóa các sản phẩm hiện có đảm bảo mục tiêu đề ra, bao gồm:

- a) Nhóm sản phẩm Thực phẩm;
- b) Nhóm sản phẩm Đồ uống;
- c) Nhóm sản phẩm Thảo dược;
- d) Nhóm sản phẩm Vải và may mặc;
- đ) Nhóm sản phẩm Lưu niệm - Nội thất - Trang trí;
- e) Nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch gắn với nông nghiệp, bán hàng OCOP.

2.2. Khuyến khích, thu hút, hỗ trợ các tổ chức kinh tế phát triển sản phẩm mới và đa dạng hóa sản phẩm.

3. Xây dựng và ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm

Xây dựng và ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm sau khi Trung ương ban hành Bộ tiêu chí chung cho toàn quốc đảm bảo các quy định về quản lý chất lượng hàng hóa hiện hành, đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong Chương trình OCOP tại tỉnh.

4. Đào tạo, tập huấn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

4.1. Xây dựng và ban hành bộ tài liệu của Chương trình OCOP để triển khai đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp; lãnh đạo tại các doanh nghiệp, HTX, THT, chủ hộ sản xuất tham gia Chương trình OCOP.

4.2. Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý các cấp theo hình thức tập huấn tập trung theo từng cấp.

4.3. Tổ chức tư vấn phát triển ý tưởng sản phẩm, quản lý sản xuất, xúc tiến thương mại cho đội ngũ cán bộ quản lý các doanh nghiệp, HTX, THT, chủ hộ sản xuất cũng như các đối tác OCOP tư vấn khác, đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả.

Trong quá trình triển khai công tác đào tạo, tập huấn, chú trọng kết hợp, lồng ghép với các chương trình đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn để đa dạng hóa nội dung và nguồn lực.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất - kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ OCOP

5.1. Xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển, hoàn thiện, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP, nhất là ứng dụng các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Các đề tài/dự án dựa trên nhu cầu cụ thể của các tổ chức kinh tế (*ưu tiên các hợp tác xã và các doanh nghiệp nhỏ và vừa có địa chỉ ứng dụng cụ thể*).

5.2. Ứng dụng khoa học quản lý trong xây dựng mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã sản xuất sản phẩm OCOP tại cộng đồng.

5.3. Ứng dụng triệt để các nội dung của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0), đặc biệt thực hiện các ứng dụng công nghệ của Nông nghiệp 4.0 vào tổ chức sản xuất hàng hóa, dịch vụ trong Chương trình OCOP.

5.4. Tăng cường phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên xây dựng và triển khai phong trào phát triển kinh tế, khởi nghiệp trong đoàn viên, hội viên nhằm thúc đẩy những ý tưởng sáng tạo trong phát triển sản phẩm OCOP.

6. Triển khai các dự án thành phần

Xây dựng và triển khai một số dự án phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP; dự án Làng/bản du lịch cộng đồng; dự án phát triển vùng sản xuất trọng điểm của địa phương; dự án Trung tâm, điểm bán sản phẩm OCOP theo Đề án được duyệt tại Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh.

7. Xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP

7.1. Tổ chức quảng bá, tiếp thị sản phẩm OCOP bằng nhiều hình thức, tập trung thực hiện xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm đạt từ 3 đến 5 sao.

7.2. Tổ chức tham gia thường niên các kỳ xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm sản phẩm OCOP cấp quốc gia và cấp tỉnh.

7.3. Chú trọng phát triển hình thức thương mại điện tử trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP.

7.4. Xây dựng hệ thống trung tâm, điểm bán hàng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại các khu vực đông dân cư, khu vực phát triển du lịch, các trung tâm thương mại.

8. Cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình OCOP

8.1. Hướng dẫn các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất tham gia thực hiện Chương trình OCOP áp dụng thực hiện các chính sách hiện hành của Nhà nước về phát triển ngành nghề, phát triển nông nghiệp, nông thôn trong tham gia triển khai Chương trình OCOP, bao gồm: Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 58/NĐ-CP ngày 18/04/2018 về bảo hiểm nông nghiệp; Quyết định số 461/QĐ-TTg 2018 ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020; Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; các cơ chế chính sách hiện hành về khuyến nông, khuyến công, khoa học công nghệ, nghiên cứu bổ sung các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong tham gia triển khai Chương trình OCOP...

8.2. Huy động các Nguồn lực từ cộng đồng như: Tài chính, đất đai, sức lao động, nguyên vật liệu, công nghệ, ý tưởng... phù hợp với các quy định của pháp luật, được huy động trong quá trình hình thành các tổ chức OCOP, dưới dạng góp vốn; triển khai các hoạt động theo Chương trình OCOP.

8.3. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng: Chủ yếu từ nguồn tín dụng ngân hàng, tín dụng cộng đồng, huy động nguồn lực tài chính từ các quỹ đầu tư, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ.

8.4. Sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần, bao gồm: Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; các nguồn ngân sách hỗ trợ Chương trình khoa học và công nghệ, khuyến công, khuyến nông, các nguồn vốn lồng ghép khác của trung ương và các địa phương, ODA và các nguồn lực huy động khác.

9. củng cố, kiện toàn hệ thống quản lý, điều hành thực hiện Chương trình OCOP

Thành lập hệ thống chỉ đạo điều hành, thực hiện Chương trình OCOP từ tỉnh đến cơ sở (theo 03 cấp: Tỉnh - Huyện - Xã), bao gồm:

(1) Ban chỉ đạo cấp tỉnh: Trên cơ sở kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững của tỉnh. Thành lập Tổ giúp việc OCOP gồm: Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn làm Tổ trưởng; thành viên giúp việc là đội ngũ công chức của Chi cục Phát triển

nông thôn và các công chức của các sở: Công thương, Văn Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ được giao thực hiện Chương trình OCOP.

(2) Ban chỉ đạo cấp huyện: Lồng ghép nhiệm vụ trong Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững của huyện, thành phố. Cơ quan thường trực là Phòng Kinh tế/Nông nghiệp và PTNT (gọi tắt là thường trực Chương trình OCOP cấp huyện). Thành lập Tổ giúp việc OCOP: Trên cơ sở tổng số biên chế hiện có, bố trí 01 cán bộ chuyên trách, 2-3 cán bộ kiêm nhiệm thuộc Văn phòng điều phối Nông thôn mới (hoặc Cơ quan thường trực).

(3) Nhân sự cấp xã: Cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp - phát triển nông thôn, thực hiện nhiệm vụ tham mưu, triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM và Chương trình OCOP.

(4) Thành lập Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm ở các cấp tỉnh, cấp huyện tại mỗi kỳ đánh giá. Hội đồng có chức năng đánh giá và phân hạng các sản phẩm OCOP theo bộ tiêu chí đã ban hành.

Khuyến khích bộ máy chỉ đạo, điều hành các cấp phân công cụ thể cho thành viên trong bộ máy chỉ đạo, điều hành phụ trách theo từng địa bàn, một lĩnh vực công tác cụ thể và có lịch sinh hoạt cụ thể.

Chức năng của hệ thống này là chỉ đạo và điều hành toàn bộ các hoạt động của Chương trình OCOP tại cấp tương ứng của mình, có quy chế hoạt động cụ thể. Các nhân sự tại mỗi vị trí công tác đều phải có bản mô tả công việc và KPI (chỉ số thực hiện công việc).

10. Công tác thông tin, tuyên truyền về Chương trình OCOP

10.1. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa của Chương trình OCOP trên phạm vi toàn tỉnh, để các tầng lớp xã hội và người dân thấy được lợi ích, giá trị kinh tế, giá trị nhân văn khi thực hiện Chương trình OCOP.

10.2. Các cấp ủy, chính quyền, Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình OCOP các cấp đẩy mạnh quán triệt tầm quan trọng và ý nghĩa của Chương trình OCOP, nguyên tắc và chu trình OCOP thường niên; đưa Chương trình OCOP vào Nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp để chỉ đạo triển khai thực hiện thường xuyên.

10.3. Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền dưới dạng hội nghị chuyên đề; hội thảo, diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm; các hoạt động tôn vinh những gương điển hình tiên tiến trong triển khai thực hiện Chương trình OCOP; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên các báo, đài, các trang thông tin điện tử ở các cấp về Chương trình OCOP.

11. Hợp tác quốc tế

11.1. Tổ chức các chuyên tham quan học tập Chương trình tại Thái Lan, Nhật Bản và các quốc gia thích hợp (ưu tiên thành phần tham gia là đội ngũ cán bộ nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, điều hành, cán bộ quản lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ hộ sản xuất trong Chương trình OCOP).

11.2. Tổ chức giao lưu thương mại sản phẩm giữa các quốc gia thông qua tham gia các sự kiện triển lãm, hội chợ OCOP Việt Nam và quốc tế.

11.3. Tổ chức tham gia diễn đàn OCOP quốc tế khi được mời tham gia nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác triển khai Chương trình OCOP và huy động các nguồn lực quốc tế tham gia Chương trình OCOP.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Năm 2018

1.1. Nội dung tham mưu, chỉ đạo, điều hành

- Thành lập hệ thống chỉ đạo điều hành thực hiện Chương trình OCOP từ tỉnh đến cơ sở.

- Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình OCOP cấp tỉnh.

- Xây dựng và ban hành Văn bản hướng dẫn tạm thời thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm; Bộ tài liệu đào tạo Chương trình OCOP.

- Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nhãn hiệu, logo OCOP Lào Cai.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ OCOP cho cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ xã, doanh nghiệp, hợp tác xã. Kinh phí: 174.512.000 đồng.

- Tổ chức Đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm tại Hà Tĩnh. Kinh phí: 110.000.000 đồng.

1.2. Nội dung thực hiện theo Chương trình OCOP

- Tổ chức tuyên truyền Chương trình OCOP: 140.000.000 đồng.

- Hướng dẫn xây dựng hồ sơ đánh giá sản phẩm OCOP năm 2018. kinh phí: 14.400.000 đồng.

- Tổ chức Hội nghị đánh giá sản phẩm và cấp chứng nhận sản phẩm OCOP. Kinh phí: 33.990.000 đồng.

- Hỗ trợ sản xuất bao bì, nhãn mác cho doanh nghiệp, hợp tác xã có sản phẩm OCOP được công nhận năm 2018. Kinh phí: 150.000.000 đồng.

2. Năm 2019: Thực hiện Chương trình OCOP thường niên.

3. Năm 2020:

- Thực hiện Chương trình OCOP thường niên.

- Quý IV/2020: Tổng kết, đánh giá Chương trình OCOP giai đoạn 2018 - 2020 và đề xuất Chương trình OCOP cho giai đoạn 2021-2030.

V. KINH PHÍ

Tổng kinh phí: **137.442** triệu đồng, trong đó:

- Năm 2018: 1.414 triệu đồng;

- Năm 2019: 86.323 triệu đồng;

- Năm 2020: 49.796 triệu đồng.

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện.

(Chi tiết có biểu dự toán kinh phí kèm theo)

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Các sở, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình OCOP và UBND các huyện, thành phố trong tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nội dung của Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn và hằng năm.

Trong phạm vi Kế hoạch này, UBND tỉnh phân công một số nhiệm vụ cụ thể của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, cụ thể như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1.1. Cơ quan thường trực, điều phối các hoạt động triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh;

1.2. Chỉ đạo và hỗ trợ, hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện Chương trình OCOP ở địa phương;

1.3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP; bộ tài liệu đào tạo Chương trình OCOP; bộ tài liệu hướng dẫn triển khai Chương trình OCOP;

1.4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các huyện, thành phố xây dựng, triển khai các dự án thành phần trong Đề án OCOP của tỉnh được phê duyệt;

1.5. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan ban hành hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất hoàn thiện hồ sơ và làm thủ tục tự công bố đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường;

1.6. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan thực hiện Chương trình OCOP thường niên và công tác đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP;

1.7. Phối hợp với các huyện, thành phố lựa chọn, xây dựng dự án làng (bản) du lịch cộng đồng theo Chương trình OCOP;

1.8. Phối hợp với Sở Công Thương, Giao thông Vận tải - Xây dựng phát triển hệ thống phân phối, bán lẻ sản phẩm OCOP tại các trạm, điểm dừng nghỉ, nhà ga trên các tuyến giao thông;

1.9. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo, đài đẩy mạnh công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền về Chương trình OCOP.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

2.1. Tổng hợp, thẩm định và phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình OCOP theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2.2. Phối hợp với Sở nông nghiệp và PTNT rà soát cơ chế, chính sách hiện hành, ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đầu tư hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP.

2.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, đảm bảo bố trí vốn đầu tư và sự nghiệp để thực hiện các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Chương trình OCOP theo quy định.

3. Sở Tài chính

3.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, đảm bảo bố trí vốn đầu tư và sự nghiệp để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình OCOP theo quy định.

3.2. Hướng dẫn các đơn vị về quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngân sách để thực hiện Chương trình OCOP.

4. Sở Công Thương

4.1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành quan liên quan đẩy mạnh hoạt động khuyến công, hỗ trợ phát triển sản xuất, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm OCOP;

4.2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về quản lý hệ thống phân phối hàng hóa, các trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP;

4.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng phát triển hệ thống phân phối, bán lẻ sản phẩm OCOP tại điểm giới thiệu, bán hàng, các trạm, điểm dừng nghỉ, nhà ga trên các tuyến giao thông.

4.4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan ban hành hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất hoàn thiện hồ sơ và làm thủ tục tự công bố đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc Bộ Công Thương quản lý theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường .

4.5. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thường xuyên kiểm tra, giám sát các sản phẩm OCOP lưu thông trên thị trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về hàng giả, hàng kém chất lượng; vi phạm quy định về quản lý nhãn hiệu OCOP theo quy định;

4.6. Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

5.1. Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sản xuất sử dụng mẫu mã bao bì, kiểu dáng công nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đảm bảo đúng quy định. Có biện pháp xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp, nhãn hàng hóa sản phẩm OCOP.

5.2. Chỉ đạo phòng Kinh tế hạ tầng các huyện, thành phố tổng hợp nhu cầu về ứng dụng công nghệ trong chế biến và bảo quản sản phẩm của các đơn vị sản xuất tham gia OCOP trên địa bàn tỉnh, từ đó có phương án cung cấp thông tin, hỗ

trợ tư vấn về chính sách; kết nối các nhà cung cấp để ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tư vấn, hỗ trợ các địa phương đăng ký sở hữu trí tuệ sản phẩm OCOP;

5.3. Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

6. Sở Y tế

6.1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan ban hành hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất hoàn thiện hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm và làm thủ tục tự công bố đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc Bộ Y tế quản lý quản lý Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường.

6.2. Chỉ đạo các cơ quan trong ngành hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất thực hiện các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, đăng ký công bố chất lượng sản phẩm làm thủ tục hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm và tự công bố đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc Bộ Y tế quản lý quản lý theo Nghị định số 15/2018 của Chính phủ đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường; thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nghiên cứu phát triển, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, đánh giá tác dụng của các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu,...

6.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các đơn vị sản xuất và cán bộ quản lý các cấp về vệ sinh an toàn thực phẩm;

6.4. Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

7.1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương hướng dẫn, phát triển, quảng bá các nhóm sản phẩm OCOP, nhất là nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch trong Chương trình OCOP;

7.2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng Đề án Chương trình phát triển du lịch nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt;

7.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các đơn vị quản lý, đơn vị lữ hành về phát triển du lịch nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới;

7.4. Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

8. Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương phát triển hệ thống phân phối, bán lẻ sản phẩm OCOP tại các trạm, điểm dừng nghỉ, nhà ga trên các tuyến giao thông.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

9.1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương hướng dẫn, các cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình trong tỉnh mở các chuyên mục, tọa đàm để tuyên truyền về nội dung, mục đích, ý nghĩa của Chương trình OCOP;

9.2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình; các công thông tin điện tử, thường xuyên đăng tải các tin, bài về triển khai Chương trình OCOP, các hội nghị, hội thảo, các gương tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Chương trình OCOP;

9.3. Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

9.4. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu Chương trình OCOP của tỉnh.

10. Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lào Cai

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát chính sách tín dụng, nghiên cứu đề xuất UBND tỉnh về cơ chế, chính sách giúp phát triển tín dụng cho Chương trình OCOP; chỉ đạo, hướng dẫn các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Agribank, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Lào Cai có hướng dẫn cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất tiếp cận nguồn vốn vay để tổ chức sản xuất trong Chương trình OCOP.

11. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan thành lập hệ thống chỉ đạo điều hành, thực hiện Chương trình OCOP từ tỉnh đến cơ sở.

12. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh phối hợp, tổ chức triển khai đào tạo các ngành nghề theo nhu cầu đặt hàng của các tổ chức kinh tế tham gia chương trình.

13. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sản phẩm OCOP; hướng dẫn các thủ tục pháp lý về môi trường theo quy định; phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất sản phẩm OCOP.

14. Liên minh Hợp tác xã: Hỗ trợ các nhóm hộ gia đình, tổ hợp tác tham gia OCOP hình thành và phát triển hợp tác xã; tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP.

15. Tỉnh đoàn Lào Cai: Chỉ đạo các tổ chức Đoàn từ tỉnh đến cơ sở xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai vận động, hỗ trợ thanh niên ở vùng nông thôn khởi nghiệp OCOP; thanh niên, sinh viên ở các trường đại học/cao đẳng hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ gia đình tham gia OCOP về phát triển sản phẩm, ứng dụng công nghệ trong sản xuất - kinh doanh các sản phẩm OCOP, đào tạo nhân lực, xúc tiến thương mại,... tùy thuộc vào lĩnh vực hoạt động của các trường.

16. Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Lào Cai: Gắn các hoạt động OCOP Lào Cai trong quá trình triển khai đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” của Chính phủ, tích cực tham gia vào các tổ chức kinh tế THT, HTX ... phụ nữ sản xuất tạo sản phẩm.

17. Hội Nông dân: Tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động các hội viên, hộ dân tích cực tham gia Chương trình OCOP; chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị hình thành trong Chương trình OCOP.

18. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

18.1. Hình thành hệ thống tổ chức thực hiện Chương trình OCOP, trong đó kiện toàn bộ máy, phân công thực hiện cụ thể của từng sở ban ngành trong Ban chỉ đạo các Chương trình Mục tiêu quốc gia tham gia thực hiện Chương trình OCOP;

18.2. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình OCOP theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp đặc điểm của mỗi địa phương, trong đó ưu tiên phát triển các nhóm ngành hàng chủ lực, có lợi thế của mỗi địa phương và phát triển dịch vụ du lịch ở nông thôn;

18.3. Tổ chức rà soát thực trạng phát triển ngành nghề tại địa phương, có định hướng và giải pháp cụ thể để gắn phát triển ngành nghề với triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn;

18.4. Bố trí, lồng ghép kinh phí từ ngân sách Trung ương, địa phương trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và các Chương trình, dự án khác trên địa bàn để hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP; đồng thời, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa để đa dạng hóa kinh phí triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn;

18.5. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, kết quả triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về cơ quan thường trực Chương trình OCOP tỉnh./.

Nơi nhận:

- BCD các Chương trình MTQG TW;
- Văn phòng ĐP NTM TW;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chi cục PTNT;
- CVP, PCVP3;
- Lưu: VT, TH1,3,4, VX2, NLN1,2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Thế

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN MÔI XÃ MỘT SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 06 /KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

DVT: Triệu đồng



TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí	Trong đó		
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tổng cộng			137.442	1.414	86.232	49.796
I	Khởi động Đề án			86	86	0	0
1	Hội nghị lãnh đạo tỉnh về Chương trình OCOP-LCA	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	23	23	-	-
2	Hội nghị triển khai Chương trình OCOP-LCA toàn tỉnh (có trực tuyến toàn tỉnh)	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	63	63	-	-
II	Đánh giá thực trạng sản phẩm truyền thống tỉnh Lào Cai			979	0	524	455
1	Tổng hợp quan thị trường các sản phẩm truyền thống (chia theo 6 nhóm ngành hàng)	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	82		82	-
2	Khảo sát hiện trạng, đề xuất chiến lược phát triển một số sản phẩm thế mạnh tại các địa phương	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	897		442	455
III	Xây dựng hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP - LCA			868	301	567	0
1	Xây dựng tổ chức nhân sự, cơ chế hoạt động cấp tỉnh, huyện, xã	- Sở Nội vụ - Phòng Nội vụ các huyện, TP	- Sở Nông nghiệp và PTNT; - Phòng Kinh tế/Nông nghiệp và PTNT các huyện, TP	238	238	-	-
2	Xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai chương trình OCOP Lào Cai	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	63	63	-	-

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí	Trong đó		
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
3	Xây dựng lại hiệu chỉnh sách cho Chương trình OCOP	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	157		157	-
4	Xây dựng hệ thống đối tác OCOP	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	410		410	-
IV	Triển khai chu trình OCOP thường niên			10.961	392	6.180	4.389
1	Hội nghị Ban Điều hành chương trình OCOP LCA (2 lần/năm)	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, TP	Các sở, ngành liên quan	66	22	22	22
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, TP	Các sở, ngành liên quan	96	32	32	32
3	Triển khai theo chu trình	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, TP	Các sở, ngành liên quan	10.799	338,4	6.126	4.335
V	Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực			674,5	174,5	250	250
1	Tập huấn xây dựng, triển khai kế hoạch kinh doanh	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố - Văn phòng Điều phối XID NTM Trung ương	152		76	76
2	Tập huấn phát triển sản phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố - Văn phòng Điều phối XID NTM Trung ương	154		77	77



TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí	Trong đó		
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
3	Tập huấn kỹ năng bán hàng/thương mại điện tử	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố - Văn phòng Điều phối XID NTM Trung ương	130		65	65
4	Tập huấn cho đội ngũ cán bộ tham gia quản lý, điều hành Chương trình OCOP	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố - Văn phòng Điều phối XID NTM Trung ương	238,5	174,5	32	32
VI	Phát triển sản phẩm			55.000	0	36.000	19.000
1	Hoàn thiện, nâng cấp các sản phẩm đã có	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, TP	Các sở, ngành liên quan	15.000		12.000	3.000
2	Phát triển sản phẩm mới	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, TP	Các sở, ngành liên quan	40.000		24.000	16.000
VII	Phát triển tổ chức kinh tế			1.134	0	869	265
1	Hỗ trợ thành lập mới tổ chức kinh tế tham gia Đề án OCOP	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, TP	Các sở, ngành liên quan	810		567	243
2	Chi đạo điểm về tổ chức sản xuất sản phẩm OCOP	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, TP	Các sở, ngành liên quan	324		302	22
VIII	Nhiệm vụ, dự án thành phần của Đề án			65.581	0	41.194	24.387
1	Xây dựng bộ công cụ quản lý OCOP	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	21		21	-



TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí	Trong đó		
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
2	Quan lý chất lượng sản phẩm theo phân ngành/nhóm ngành	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Khoa học và Công nghệ; - UBND các huyện, thành phố	90		63	27
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý OCCOP	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Thông tin và Truyền thông; - UBND các huyện, thành phố	1500	-	1.000	500
4	Dự án đào tạo nghề	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Lao động TBXH; - UBND các huyện, thành phố	420	-	210	210
5	Dự án phát triển, nâng cấp sản phẩm OCCOP	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, TP	- Sở Giao thông VT - Xây dựng; - Các sở, ngành liên quan	6.000		4.000	2.000
6	Nhóm Dự án trung tâm, điểm giới thiệu sản phẩm OCCOP	- Sở Công thương - UBND các huyện, TP	- Sở Giao thông VT - Xây dựng; - Sở Nông nghiệp và PTNT - Các sở, ngành liên quan	9.750		5.500	4.250
7	Nhóm dự án khai thác thế mạnh ngành nghề nông thôn gắn với du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	- Sở Nông nghiệp và PTNT; - UBND các huyện, TP	39.000		24.500	14.500
8	Dự án ứng dụng khoa học công nghệ tạo sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	5000		3.750	1.250
9	Hoạt động hợp tác quốc tế	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Công thương; - Các sở, ngành liên quan	300	-	150	150
10	Hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm	Sở Công thương	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	2000	-	1.000	1.000
11	Hoạt động thông tin truyền thông OCCOP	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	1500		1000	500



TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí	Trong đó		
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
IX	Học hỏi kinh nghiệm triển khai chương trình OCOP			760	110	150	500
1	Trong nước (tại các tỉnh tiêu biểu trong công tác triển khai Chương trình OCOP)	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, TP	260	110	150	-
2	Quốc tế (OTOP Thái Lan)	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, TP	500	-	-	500
X	Giám sát, đánh giá, tổng kết thực hiện Chương trình OCOP			348	0	148	200
1	Giám sát, đánh giá, tổng kết bài học kinh nghiệm	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, TP	228	-	88	140
2	Hội thảo tổng kết về OCOP Lào Cai	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, TP	120		60	60
XI	Chi phí quản lý chung			1.050	350	350	350
1	Thu lao điều hành	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, TP	450	150	150	150
2	Chi mua vật tư văn phòng phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, TP	300	100	100	100
3	Quản lý chung Đề án	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, TP	150	50	50	50
4	Chi khác (chi đón tiếp các đoàn tham quan; chi hoạt động đột xuất của tỉnh; tham dự hội nghị tại huyện, tỉnh, trung ương ...)	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, TP	150	50	50	50

Ghi chú: Các nội dung chi tiết theo Đề án "Mối xã một sản phẩm" được phê duyệt tại quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh Lào Cai.